TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KẾ SÁCH
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **23**/2018/HNGĐ-ST.
Ngày: 14/5/2018.
V/v tranh chấp "Hôn nhân và gia đình".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KẾ SÁCH, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Thanh Bình**.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông **Đào Văn Kỳ**;

Ông **Huỳnh Khởi**.

Thư ký phiên tòa: Ông **Lâm Thành Lũy** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Kế Sách, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Kế Sách tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 14 tháng 5 năm 2018, tại phòng xử án thuộc trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kế Sách xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 417/2017/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp *"Hôn nhân và gia đình"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 02 tháng 4 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 41/2018/QĐXXST-HNGĐ, ngày 23 tháng 4 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1973.

ĐKHKTT: Số nhà 98/2, ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng.

Chỗ ở hiện nay: ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông **Thiều Văn L**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: Số nhà 98/2, ấp B, xã B, huyện K, tỉnh Sóc Trăng (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2017 và tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Bà Nguyễn Thị H và ông Thiều Văn L chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện vào năm 1989, không đăng ký kết hôn. Trong thời gian chung sống bà H và ông L có ba người con chung là anh Thiều Chí H, sinh năm 1991, chị Thiều Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/1996 và anh Thiều Văn N, sinh ngày 01/7/1999 hiện nay đã trưởng thành tự lo cho bản thân. Thời gian đầu bà H và ông L sống với nhau hạnh phúc nhưng gần đây thì vợ, chồng phát sinh mâu thuẫn, không cùng quan điểm sống, bà tự nhận thấy cuộc sống

chung không hạnh phúc nên bà H và ông L đã ly thân nhau từ tháng 4 năm 2016 đến nay.

Tại phiên tòa sơ thẩm bà Nguyễn Thị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện:

- Về hôn nhân: Bà yêu cầu không công nhận bà và ông Thiều Văn L, sinh năm 1972 là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H trình bày bà và ông L có ba người con chung là anh Thiều Chí H, sinh năm 1991, chị Thiều Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/1996 và anh Thiều Văn N, sinh ngày 01/7/1999 hiện nay đã trưởng thành tự lo cho bản thân, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Tại phiên tòa bị đơn ông Thiều Văn L vắng mặt lần thứ hai không rõ lý do. Xét thấy trong quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã tống đạt trực tiếp Thông báo về việc thụ lý vụ án cho ông L nhưng ông L không có ý kiến gì và sau đó đã niêm yết hợp lệ tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án cho ông L, trong đó có Thông báo số 40/2018/TB-TA, ngày 22/01/2018 về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, và công khai chứng cứ, đã hết thời hạn ấn định trong thông báo nhưng ông L không có ý kiến gì nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông L theo qui định tại khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H và ông Thiều Văn L bắt đầu chung sống với nhau vào năm 1989 nhưng không đăng ký kết hôn. Do đó về quan hệ chung sống giữa bà H và ông L không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng theo quy định tại Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị H và ông Thiều Văn L là vợ chồng.

[2.2] Về con chung: Bà H trình bày bà và ông L có ba người con chung là anh Thiều Chí H, sinh năm 1991, chị Thiều Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/1996 và anh Thiều Văn N, sinh ngày 01/7/1999 hiện nay đã trưởng thành tự lo cho bản thân, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5

Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147, khoản 5 Điều 177, Điều 179, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14 và 53 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Về hôn nhân: Quan hệ chung sống giữa bà Nguyễn Thị H và ông Thiều Văn L không phải là vợ chồng.

- Về con chung: Bà H trình bày bà và ông L có ba người con chung là anh Thiều Chí H, sinh năm 1991, chị Thiều Thị Ngọc H, sinh ngày 01/01/1996 và anh Thiều Văn N, sinh ngày 01/7/1999 hiện nay đã trưởng thành tự lo cho bản thân, không yêu cầu Tòa xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai số 0009442 ngày 04/12/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kế Sách. Như vậy bà H đã nộp đủ số tiền án phí. Ông Thiều Văn L không chịu án phí.

Báo cho nguyên đơn được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại địa phương, để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh Sóc Trăng;*
- *VKSND huyện Kế Sách;*
- *Chi cục THADS huyện Kế Sách;*
- *Đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

TRẦN THANH BÌNH